

Số: **135** /KKMT

Vv: Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ
đông thường niên năm 2021

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2021

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung
2. Mã chứng khoán : **KMT**
3. Địa chỉ trụ sở chính : 69 Quang Trung , P.Hải Châu 1, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
4. Điện thoại: 0236 3 821 824 Fax : 0236 3 823 306
5. Người thực hiện công bố thông tin : Nguyễn Đăng Loan
6. Nội dung thông tin công bố :
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số: 130/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
7. Địa chỉ Website đăng tải Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

[http:// www.cevimetal.com.vn](http://www.cevimetal.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.KTTC

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nguyễn Đăng Loan

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Tên Công ty: Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung

Địa chỉ: 69 Quang Trung, P. Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động số 0400101605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 24 vào ngày 07/12/2017.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30' ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại phòng họp tầng 6 Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung, số 69 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã chính thức khai mạc.

A – GIỚI THIỆU KHAI MẠC PHIÊN HỌP:

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm các ông/bà:

- Bà Nguyễn Đăng Loan : Trưởng Ban;
- Bà Nguyễn Thị Lan Anh : Thành viên;
- Bà Lê Thị Hồng Quyên : Thành viên.

Bà Nguyễn Đăng Loan, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 10/3/2021, sở hữu 9.846.562 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung (theo danh sách của Trung tâm Lưu ký chứng khoán gửi cho Công ty);

- Số cổ đông đăng ký tham dự: 26 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.239.348 / 9.846.562 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 93,83%;

- Đến 8 giờ 30' ngày 16/4/2021, số cổ đông tham dự là 24 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.233.627 / 9.846.562 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 93,78% (có báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty, phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc tại Đại hội:

Bà Nguyễn Đăng Loan thay mặt Ban Tổ chức thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 100%.

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu:

3.1. Đoàn Chủ tịch: gồm các ông:

- Ông Huỳnh Trung Quang – Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa Đại hội;
- Ông Nguyễn Anh Hoàng – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.

3.2. Ban Thư ký: gồm các ông:

- Ông Huỳnh Ngọc Tuấn;
- Ông Lê Hà Thiên Trí.

3.3. Ban kiểm phiếu: gồm các bà:

- Bà Phạm Thị Thu Ngân – Trưởng Ban;
- Bà Trần Thị Thùy Nhung – Thành viên;
- Bà Võ Thị Lệ – Thành viên.

Đại hội đã biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

B - NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ TẠI ĐẠI HỘI:

I – Ông Nguyễn Anh Hoàng, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trình Đại hội thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo thường niên năm 2020: bao gồm Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, đầu tư năm 2020 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021 của Công ty.

1.1. Kết quả kinh doanh:

- Doanh thu: 1.914,522 tỷ đồng, đạt 98,9% kế hoạch và tăng 4,6% so cùng kỳ 2019;
- Tổng lượng tiêu thụ: 199.255 tấn, đạt 99,7% kế hoạch và tăng 10,2% so cùng kỳ 2019;
- Lợi nhuận trước thuế: 10,065 tỷ đồng, đạt 125,8% kế hoạch và tăng 25,8% so cùng kỳ 2019.

1.2. Kết quả đầu tư: Tổng giá trị đầu tư thực hiện 0,120 tỷ đồng.

2. Kế hoạch năm 2021:

2.1. Kế hoạch kinh doanh:

- Tổng lượng tiêu thụ : 220.000 tấn;
- Lợi nhuận trước thuế : 09 tỷ đồng;
- Cổ tức : 7%.

2.2. Kế hoạch đầu tư : 28,300 tỷ đồng (bao gồm các dự án chuyển tiếp).

*** Thảo luận và ý kiến của các cổ đông:**

Sau khi nghe ông Nguyễn Anh Hoàng, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo thường niên và Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, các Cổ đông không có ý kiến gì và nhất trí thông qua toàn bộ các nội dung trong Báo cáo thường niên, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021 của Công ty.

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020:

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

II – Ông Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn, Trưởng Ban kiểm soát Công ty, trình Đại hội thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 (Báo cáo số 73/BC-BKS ngày 09/3/2021 của Ban kiểm soát):

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020, gồm các nội dung sau:

1. Kết quả thẩm định tình hình kinh doanh năm 2020;
2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
3. Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
4. Và một số kiến nghị của Ban kiểm soát.

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

III – Bà Nguyễn Đăng Loan, Kế toán trưởng Công ty, trình Đại hội thông qua các nội dung sau:

1. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020 (Tờ trình số 127/TTr-KKMT ngày 15/4/2021):

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận và mức chi trả cổ tức năm 2020:

1.1. Lợi nhuận năm 2020:

- Lợi nhuận trước thuế : 10.065.235.394 đồng;
- Lợi nhuận sau thuế (LNST) : 6.076.496.078 đồng;
- LNST còn lại các năm trước: 5.263.568.883 đồng;
- Tổng LNST chưa phân phối : 11.340.064.961 đồng.

1.2. Chia cổ tức:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung quyết định mức chia cổ tức từ phần lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi xác định rõ phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung (nếu có).

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

1.3. Trích lập các quỹ:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 700.000.000 đồng;

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 5.462.203 cổ phần, bằng 59,2% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không có ý kiến: 3.771.424 cổ phần, bằng 40,8% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

2. Báo cáo tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021 (Báo cáo số 110/BC-KKMT ngày 31/3/2021):

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao, khen thưởng HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021:

2.1. Tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020:

2.1.1 Tiền lương (thực hiện theo Nghị quyết số 183/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2020):

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách : 40.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc : 37.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD : 27.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT chuyên trách : 15.000.000 đồng/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : 18.000.000 đồng/tháng.

2.1.2. Thù lao (thực hiện theo Nghị quyết số 183/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2020):

- Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm : 6.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên BKS kiêm nhiệm : 4.000.000 đồng/người/tháng.

2.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2021:

2.2.1. Tiền lương thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2021:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách : 42.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc : 39.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT chuyên trách : 16.000.000 đồng/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : 19.000.000 đồng/tháng.

2.2.2. Thù lao thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2021:

- Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm : 6.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên BKS kiêm nhiệm : 4.000.000 đồng/người/tháng.

* Đối với nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được Công ty trả lương tháng theo chức danh quản lý chuyên trách thì không được hưởng thù lao hàng tháng chức danh kiêm nhiệm (ngoại trừ Kiểm soát viên kiêm nhiệm hưởng lương chuyên môn nghiệp vụ thì được hưởng thù lao).

*** Kết quả biểu quyết:**

- + Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- + Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

2.3. Khen thưởng HĐQT, BKS năm 2020: Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020, Đại hội đồng cổ đông nhất trí thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do hoàn thành tốt nhiệm vụ của cổ đông giao.

*** Kết quả biểu quyết:**

- + Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- + Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

IV – Ông Phạm Thanh Lâm, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, trình Đại hội thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua Quy chế hoạt của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung (Tờ trình số 98/TTr-KKMT ngày 26/3/2021):

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Cụ thể:

1. Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung: có 21 Chương và 58 Điều, bao gồm:

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ, chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết định Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ

TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

Điều 55. Thanh lý

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty: có 07 Điều, bao gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Hội đồng quản trị

Điều 4. Ban kiểm soát

Điều 5. Tổng Giám đốc

Điều 6. Các hoạt động khác

Điều 7. Hiệu lực thi hành

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị: có 07 Chương và 23 Điều, bao gồm:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Ngày hiệu lực

** Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

V – Ông Phạm Thanh Lâm, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội thông qua Tờ trình về chấp thuận các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với các đối tượng quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ:

1. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung (KKMT) được thực hiện các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng trong năm 2021.

2. Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung phê duyệt nội dung hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng.

** Kết quả biểu quyết:*

- Tán thành: 8.230.714 cổ phần, bằng 89,14% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 1.002.913 cổ phần, bằng 10,86% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

VI – Ông Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn, Trưởng Ban kiểm soát Công ty, trình Đại hội thông qua các nội dung sau:

1. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Tờ trình số 101/TTr-KKMT ngày 27/3/2021): Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát có 07 Chương và 20 Điều, bao gồm:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Điều 2.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 7. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Điều 8. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Điều 10. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

Điều 11. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 13. Biên bản họp Ban kiểm soát

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 14. Trình báo cáo hàng năm

Điều 15. Tiền lương và quyền lợi khác

Điều 16. Công khai các lợi ích liên quan

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Điều 18. Mối quan hệ với Ban điều hành

Điều 19. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

2. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 (Tờ trình số 102/TTr-KKMT ngày 27/3/2021):

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Tờ trình v/v lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

VII – Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung thực hiện các công việc sau:

1. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật.

2. Quyết định các phương án đầu tư cụ thể trong danh mục đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phù hợp với thực tế phát sinh.

VIII – Ông Lê Hà Thiên Trí: Thay mặt Ban Thư ký thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

*** Kết quả biểu quyết:**

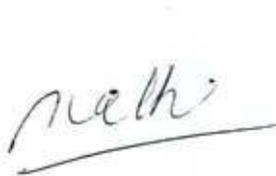
- Tán thành: 9.233.627 cổ phần, bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp;
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

*** Bế mạc Đại hội:** Ông Huỳnh Trung Quang, Chủ tọa Đại hội, thay mặt Đoàn Chủ tịch tuyên bố bế mạc Đại hội.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung kết thúc vào lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày./.

BAN THƯ KÝ

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**



Huỳnh Ngọc Tuấn Lê Hà Thiên Trí

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Trung Quang**

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung, họp ngày 16/4/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo thường niên năm 2020, kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021 và Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020.

1.1. Kết quả kinh doanh 2020:

- Tổng doanh thu : 1.914.521.882.539 đồng;

- Tổng lượng tiêu thụ : 199.255 tấn;

- Lợi nhuận trước thuế : 10.065.235.394 đồng.

1.2. Kết quả đầu tư: tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2020: 0,120 tỷ đồng.

1.3. Kế hoạch năm 2021:

a) Kế hoạch kinh doanh:

- Tổng lượng tiêu thụ : 220.000 tấn;

- Lợi nhuận trước thuế : 09 tỷ đồng;

- Cổ tức : 7%.

b) Kế hoạch đầu tư : 28,300 tỷ đồng (bao gồm dự án chuyển tiếp).

1.4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.

Điều 3. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020.

3.1. Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2020 : 6.076.496.078 đồng.

3.2. LNST còn lại các năm trước : 5.263.568.883 đồng.

3.3. Tổng LNST chưa phân phối (=3.1+3.2) : 11.340.064.961 đồng.

3.4. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 700.000.000 đồng.

3.5. Chia cổ tức: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức chia cổ tức từ phần lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi xác định rõ phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung (nếu có).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao và khen thưởng Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021.

4.1. Tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2020:

a) Tiền lương thành viên HĐQT và BKS:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách : 40.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc : 37.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD : 27.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT chuyên trách : 15.000.000 đồng/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : 18.000.000 đồng/tháng.

b) Thù lao thành viên HĐQT và BKS:

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm : 6.000.000 đ/người/tháng;
- Thành viên BKS kiêm nhiệm : 4.000.000 đ/người/tháng.

4.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2021:

a) Tiền lương thành viên HĐQT và BKS:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách : 42.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc : 39.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT chuyên trách : 16.000.000 đồng/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : 19.000.000 đồng/tháng.

b) Thù lao thành viên HĐQT và BKS:

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm : 6.000.000 đ/người/tháng;
- Thành viên BKS kiêm nhiệm : 4.000.000 đ/người/tháng.

* Đối với nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được Công ty trả lương tháng theo chức danh quản lý chuyên trách thì không được hưởng thù lao chức danh kiêm nhiệm (ngoại trừ Kiểm soát viên kiêm nhiệm hưởng lương chuyên môn nghiệp vụ thì được hưởng thù lao).

4.3. Thông qua việc thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do hoàn thành tốt nhiệm vụ của cổ đông giao trong năm 2020.

Điều 5. Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 6. Chấp thuận cho Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung được thực hiện các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá

trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng trong năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung phê duyệt nội dung hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Điều 8. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các công việc sau:

8.1. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định pháp luật.

8.2. Quyết định các phương án đầu tư cụ thể trong danh mục đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2021 phù hợp với thực tế phát sinh.

Điều 9. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung với kết quả 100% tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết và có hiệu lực kể từ ngày 16/4/2021.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung có trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo và giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDKHN, TTLKCKVN;
- Các cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, HĐQT.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Trung Quang**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG



TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021



Đà Nẵng, tháng 4 năm 2021



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

STT	Nội dung	Thực hiện
1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông đăng ký tham dự	Tiểu ban cổ đông
2	- Khai mạc phiên họp, giới thiệu đại biểu - Báo cáo kiểm tra tư cách và xác nhận cổ đông tham dự - Thông qua Quy chế làm việc, giới thiệu Đoàn Chủ tịch, đề cử nhân sự Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết (biểu quyết)	BTC Tiểu ban cổ đông BTC
3	Thông qua Báo cáo thường niên năm 2020, kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021 và Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 (thảo luận và biểu quyết)	HĐQT
4	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 (thảo luận và biểu quyết)	BKS
5	- Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm tài chính 2020 (biểu quyết) - Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021 (biểu quyết)	HĐQT
6	Nghỉ giải lao	
7	- Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (biểu quyết) - Thông qua Tờ trình về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với các đối tượng quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ	HĐQT
8	- Thông qua Tờ trình về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (biểu quyết) - Thông qua Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 (biểu quyết)	BKS
9	Thông qua dự thảo Nghị quyết (thảo luận và biểu quyết)	Ban Thư ký
10	Bế mạc	Chủ tọa Đại hội

Đà Nẵng, ngày 26. tháng 3 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung,

Để công tác tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung có trật tự, kỷ cương và theo đúng các quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo trước Đại hội Quy chế làm việc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

I – BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI PHIÊN HỌP

1. Nguyên tắc: Tất cả các nội dung trong Chương trình nghị sự của phiên họp đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của Cổ đông về từng nội dung. Mỗi Cổ đông tham dự phiên họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi rõ Họ tên, Mã số cổ đông và Số cổ phần được quyền biểu quyết của Cổ đông (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền).

2. Cách biểu quyết: Sau khi trình bày nội dung báo cáo, Chủ tọa tiến hành lấy ý kiến biểu quyết của Cổ đông. Cổ đông biểu quyết ("*Tán thành*", "*Không tán thành*" hoặc "*Không có ý kiến*") một vấn đề bằng cách đưa Phiếu biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa.

II – PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI PHIÊN HỌP

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự phiên họp khi có yêu cầu phát biểu ý kiến phải đăng ký trước với Ban Thư ký và được sự đồng ý của Chủ tọa.

2. Nội dung phát biểu: Cổ đông ghi tóm tắt nội dung phát biểu vào "Phiếu đăng ký phát biểu" và chuyển cho Ban Thư ký, Chủ tọa sẽ xem xét tính phù hợp của nội dung phát biểu và sắp xếp cho Cổ đông phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp những ý kiến thắc mắc của Cổ đông (mỗi ý kiến phát biểu không quá năm (05) phút).

Trường hợp phát biểu ngoài nội dung đăng ký thì Chủ tọa quyết định ngừng phát biểu. Đối với những nội dung cần phải có thời gian trình bày dài hơn, đề nghị Cổ đông gửi bằng văn bản cho Ban Thư ký tổng hợp và Hội đồng quản trị Công ty sẽ nghiên cứu, trả lời riêng cho Cổ đông bằng văn bản.

III – TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

1. Điều khiển phiên họp theo Chương trình, Quy chế đã được thông qua trước Đại hội. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số biểu quyết.

2. Hướng dẫn phiên họp thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong Chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan tại phiên họp.

3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình họp.

IV – TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi Biên bản tổng hợp ý kiến của Cổ đông tại phiên họp.

2. Dự thảo nội dung Nghị quyết được thông qua tại phiên họp.

V – TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Xác định chính xác kết quả biểu quyết của Cổ đông theo từng nội dung lấy ý kiến tại phiên họp.

2. Công bố và cung cấp kết quả biểu quyết của Cổ đông về Ban Thư ký để tổng hợp và đưa vào Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Quy chế này được đọc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung, tổ chức vào ngày 16/4/2021 và được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại phiên họp tán thành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Trung Quang

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Năm báo cáo: 2020



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400101605
- Vốn điều lệ: 98.465.620.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 98.465.620.000 đồng
- Địa chỉ: 69 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0236-3821824 / 3822807
- Số fax: 0236-3823306
- Website: cevimetal.com.vn
- Mã cổ phiếu: **KMT**

Quá trình hình thành và phát triển:

+ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung trước đây là Công ty Kim khí Miền Trung, doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên của Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP, thành lập năm 1995 và được chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 3088/QĐ-BCN ngày 30/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty cổ phần bắt đầu đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2006;

+ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101605, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 24 vào ngày 07/12/2017;

+ Ngày 10/8/2009, cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM;

+ Ngày 15/12/2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán “KMT”;

+ Ngày 29/12/2016, Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP đã thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung từ 82,95% xuống còn 38,3% vốn điều lệ;

+ Tình hình hoạt động: Sau khi cổ phần hóa, hoạt động Công ty phát triển ổn định, tình hình tài chính được cải thiện, công tác quản trị doanh nghiệp từng bước được nâng cao.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

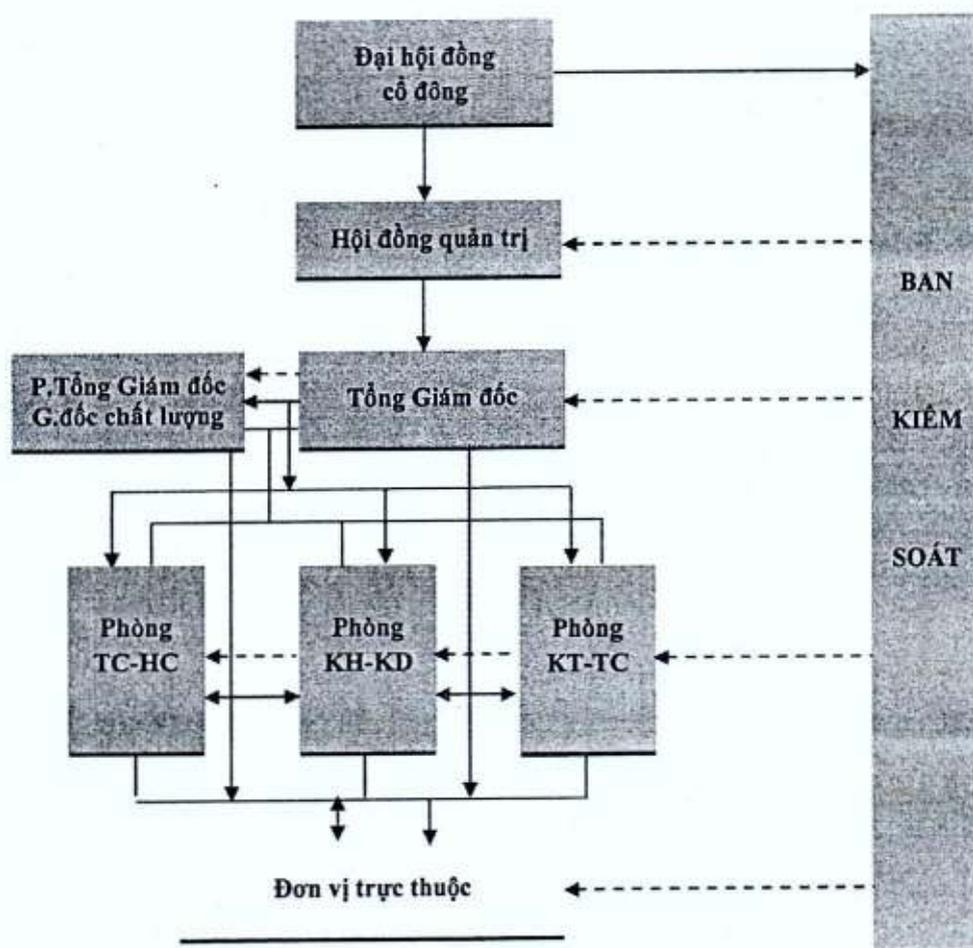
Kinh doanh thép xây dựng, thép hình, phôi thép, thép tấm, thép lá; Kinh doanh vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng, vật tư thú liệu, phế liệu kim loại; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh các loại than; Đại lý tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

- Địa bàn kinh doanh: chủ yếu là thành phố Đà Nẵng và khu vực Miền Trung. Ngoài ra, Công ty còn có các Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Gia Lai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG



Quan hệ chỉ đạo: ———→
 Quan hệ chất lượng: ————
 Quan hệ phối hợp: <——>
 Quan hệ kiểm soát: - - - ->

- Các Đơn vị trực thuộc:

+ Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1

Địa chỉ: Lô A3-7 Khu dân cư đô thị mới Nam cầu Cẩm Lệ, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

+ Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2

Địa chỉ: 410 đường 2/9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

+ Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7

Địa chỉ: Lô 04-05 B27 Kinh Dương Vương, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

+ Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 10

Địa chỉ: 404 Lê Văn Hiến, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng

+ Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư

Địa chỉ: 449 Phạm Hùng, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

+ Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 26 Nguyễn Đình Khôi, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

+ Chi nhánh Công ty tại tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: 97C Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

+ Chi nhánh Miền Trung tại tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: 303 Lê Hồng Phong, phường Phước Hòa, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

+ Chi nhánh Công ty tại tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: Tổ 3 (483 Lý Thái Tổ), phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

+ Chi nhánh Công ty tại tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: 239 Bích Khê, phường Nghĩa Chánh, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Lấy hoạt động kinh doanh các mặt hàng thép làm trọng tâm, tăng sản lượng tiêu thụ tối thiểu 10% / năm;

+ Đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, mở rộng lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận cho Cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: phát triển thị trường, cơ cấu lại tài sản nhằm khai thác hiệu quả các bất động sản hiện có phù hợp với định hướng phát triển của Công ty;

- Không ngừng chăm lo đời sống vật chất, sức khỏe, tinh thần cho cán bộ nhân viên; nâng cao môi trường, văn hóa doanh nghiệp;

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Công ty luôn cam kết và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, thực hiện môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp; tích cực tham gia công tác xóa đói giảm nghèo, công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

- Biến động mạnh và nhanh giá cả của nguyên vật liệu sản xuất thép cũng như các sản phẩm thép trên thế giới và trong nước;

- Thị trường bất động sản thiếu ổn định, cơ chế, chính sách và công tác quản lý đầu tư còn bất cập;

- Chính sách lãi suất, chính sách thuế xuất nhập khẩu đối với các mặt hàng thép thành phẩm và nguyên liệu phục vụ sản xuất ngành thép thay đổi sẽ ảnh hưởng đáng kể đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu: thực hiện 1.914,522 tỷ đồng, đạt 98,9% kế hoạch năm và tăng 4,6% so với năm 2019;

- Tổng lượng tiêu thụ: thực hiện 199.255 tấn, đạt 99,7% kế hoạch năm và tăng 10,2% so với năm 2019;

- Hiệu quả kinh doanh: lợi nhuận trước thuế thực hiện 10,065 tỷ đồng, đạt 125,8% kế hoạch năm và tăng 25,8% so với năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

+ Ông Nguyễn Anh Hoàng : Tổng Giám đốc;

+ Ông Ngô Văn Phong : Phó Tổng Giám đốc;

+ Ông Nguyễn Minh Đức : Phó Tổng Giám đốc.

Những thay đổi trong năm 2020:

- Thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị:

+ Ông Ngô Văn Phong thôi nhiệm vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 29/5/2020 do hết nhiệm kỳ (nhiệm kỳ 2015-2020);

+ Ông Đoàn Công Sơn được bầu vào Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết số 183/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông;

- Thay đổi Thành viên Ban kiểm soát:

+ Bà Nguyễn Thị Mãi thôi nhiệm vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty từ ngày 29/5/2020 do hết nhiệm kỳ (nhiệm kỳ 2015-2020) và nghỉ hưu theo chế độ;

+ Ông Lưu Thương thôi nhiệm vụ Thành viên Ban kiểm soát Công ty từ ngày 29/5/2020 do hết nhiệm kỳ (nhiệm kỳ 2015-2020);

+ Ông Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn được bầu vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 và giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát theo Nghị quyết số 183/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông;

+ Ông Lê Văn Châu được bầu vào Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết số 183/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

- Thay đổi trong Ban điều hành:

Ông Ngô Văn Phong thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty để nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/02/2020.

- Thay đổi về hệ thống tổ chức mạng lưới:

Đã tạm dừng hoạt động kinh doanh Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 10 từ cuối tháng 5/2020 do hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

* Số lượng cán bộ, nhân viên có đến 31/12/2020: 86 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch giải ngân năm 2020	Thực hiện đến 31/12/2020	Ghi chú
A	Dự án chuyển tiếp	9.500	8.860	120	
1	Kho 1 ha Hòa Phước, Đà Nẵng	8.500	8.260	0	
2	Mở rộng nhà kho Miếu Bông	1.000	600	120	
B	Dự án khởi công mới	165.500	5.500	0	
1	Chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng căn hộ du lịch tại 404 Lê Văn Hiến, Tp. Đà Nẵng (Nghiên cứu khả thi)	160.000			
2	Xây dựng địa điểm kinh doanh siêu thị/café/nhà hàng tại lô đất số 410 đường 2 tháng 9, Tp. Đà Nẵng	5.000	5.000	0	
3	Chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng khách sạn/văn phòng cho thuê tại lô đất số 16 Thái Phiên, Tp. Đà Nẵng (Nghiên cứu thị trường)	500	500	0	
	Tổng cộng (A+B)	175.000	14.360	120	

* Kết quả thực hiện:

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tổng giá trị đầu tư là 120 triệu đồng. Các dự án chưa triển khai được do có nhiều rủi ro đầu tư trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 kéo dài và do chưa hoàn thiện được các thủ tục pháp lý, cụ thể:

- Kho 1ha Hòa Phước: Công ty đã phối hợp với Đơn vị tư vấn và Sở Xây dựng đề xuất UBND Tp. Đà Nẵng cấp lại sơ đồ quy hoạch và đề nghị ký hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, UBND thành phố Đà Nẵng đang yêu cầu các Sở, ban ngành liên quan rà soát lại toàn bộ các quyết định cấp đất cho tất cả doanh nghiệp trước đây để có hướng xử lý;

- Dự án căn hộ du lịch tại 404 Lê Văn Hiến – Tp. Đà Nẵng: Công ty đã thuê Đơn vị thiết kế trình chủ trương về mặt kiến trúc triển khai căn hộ cho thuê và đã được Sở Xây dựng đồng ý, tuy nhiên UBND thành phố yêu cầu các Sở, ban ngành cho ý kiến và chưa có kết quả;

- Xin chủ trương thuê khu đất số 410 đường 2/9 Tp. Đà Nẵng để xây dựng địa điểm kinh doanh siêu thị/café/nhà hàng nhưng chưa được chấp thuận của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP trong việc cho thuê đất dài hạn.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	680.385.614	692.303.888	+ 1,75%
Doanh thu thuần	1.830.138.591	1.914.521.882	+ 4,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.722.412	10.030.118	+ 49,20%
Lợi nhuận khác	1.279.466	35.117	- 97,26%
Lợi nhuận trước thuế	8.001.879	10.065.235	+ 25,78%
Lợi nhuận sau thuế	5.284.748	6.076.496	+ 14,98%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước 2019	Kỳ báo cáo 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,086	1,082
	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn			
	- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,95	0,97
	<u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ / Tổng tài sản	lần	0,81	0,82
	- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	4,27	4,49
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	lần	2,69	2,76
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,29	0,32
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn góp chủ sở hữu	%	5,36	6,17
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,77	0,87

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 9.846.562 cổ phần (toàn bộ là cổ phần phổ thông).

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất vào ngày 10/3/2021 như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	236	9.845.945	98.459.450.000	99,99%
	Cá nhân	230	6.025.463	60.254.630.000	61,19%
	Tổ chức	6	3.820.482	38.204.820.000	38,80%

2	Cổ đông ngoài nước	2	617	6.170.000	0,01%
	Cá nhân	2	617	6.170.000	0,01%
	Tổ chức	0	0	0	0%
	Tổng cộng	238	9.846.562	98.465.620.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Đến ngày 31/12/2020, tổng số lao động toàn Công ty là 86 người, trong đó có 24 nữ. Tổng số lao động đầu năm 102 người, tăng 05 người, giảm 21 người. Thu nhập b/quân của người lao động: 11,040 triệu đồng/người/tháng, tăng 1% so với năm 2019.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Thực hiện nội dung Thỏa ước Lao động tập thể đã ký kết giữa Người sử dụng lao động và Đại diện người lao động, trong năm 2020 Công ty đã tổ chức cho người lao động khám sức khỏe định kỳ; thăm hỏi gia đình cán bộ, nhân viên khi ốm đau, tang gia; hỗ trợ kinh phí sửa chữa/xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách, gia đình khó khăn; tổ chức lễ phát thưởng cho các cháu học sinh giỏi năm học 2019-2020; tổ chức vui chơi, gặp mặt cán bộ nhân viên nữ Công ty nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10...; chăm lo và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Chất lượng lao động luôn được Công ty quan tâm, chú trọng thông qua việc tuyển dụng, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên. Trong năm, đã tổ chức huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động, kiến thức phòng cháy chữa cháy, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, quản lý cho cán bộ, nhân viên; xây dựng kế hoạch và triển khai thực tập Phương án phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ tại cơ sở theo quy định.

6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2020, Công ty đã tham gia công tác xã hội từ thiện, xóa đói giảm nghèo tại địa phương từ nguồn đóng góp của cán bộ, nhân viên và của Công ty với tổng số tiền hỗ trợ 396 triệu đồng (tài trợ lương thực, thực phẩm đồng hành cùng bà con Đà Nẵng chống dịch Covid-19, phối hợp với Công an thành phố Đà Nẵng xây dựng nhà tình nghĩa, hỗ trợ nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khắc phục sau bão...); tiếp tục phụng dưỡng 01 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng và nhận trợ dưỡng 10 nạn nhân chất độc da cam tại thành phố Đà Nẵng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

Năm 2020 là một năm đầy biến động bất ngờ của nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại các châu lục đã thay đổi hầu hết các kịch bản kinh tế cũng như đảo lộn những dự báo triển vọng của các ngành và lĩnh vực kinh doanh, trong đó có ngành thép. Nhờ kiểm soát tốt dịch

bệnh sau hai lần bùng phát, kinh tế trong nước sớm phục hồi, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cũng tốt hơn, tăng trưởng GDP cả năm đạt 2,91% (trong khi dự kiến kinh tế thế giới suy giảm hơn 4%), việc giải ngân vốn đầu tư công tăng cao so với năm 2019 là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng. Thị trường thép trong nước nhu cầu tăng thấp, xu hướng giá giảm sâu là chủ yếu, tuy nhiên trong những tháng cuối năm 2020 giá giữ xu hướng tăng liên tục, trong đó tăng đột biến trong tháng 12/2020, nhưng tính chung cả năm giá bán bình quân vẫn giảm so với năm 2019.

Nhìn chung, năm 2020 nhiều ngành nghề kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng do dịch bệnh Covid-19 (đặc biệt là khối kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng), tình hình mưa bão, lũ lụt tại các tỉnh Miền Trung diễn biến rất xấu gây thiệt hại nặng nề về kinh tế cho các địa phương trong những tháng cuối năm 2020 đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy vậy, Ban điều hành Công ty đã thường xuyên theo dõi sự biến động của thị trường, linh hoạt bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị giao trong năm 2020 để đề ra các giải pháp phù hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành kinh doanh cho nên đã mang lại kết quả khả quan. Các chỉ tiêu chính như doanh thu và lượng tiêu thụ thực hiện đạt xấp xỉ kế hoạch và tăng trưởng so với cùng kỳ 2019, riêng chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: thực hiện 1.914,522 tỷ đồng, đạt 98,9% kế hoạch năm và tăng 4,6% so với năm 2019;

- Tổng lượng tiêu thụ: thực hiện 199.255 tấn, đạt 99,7% kế hoạch năm và tăng 10,2% so với năm 2019;

- Hiệu quả kinh doanh: lợi nhuận trước thuế thực hiện 10,065 tỷ đồng, đạt 125,8% kế hoạch năm và tăng 25,8% so với năm 2019.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Về quy mô tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty có tăng so với thời điểm cuối năm 2019 (tăng 11,9 tỷ đồng), chủ yếu do tăng nợ vay ngân hàng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2020 là 566 tỷ đồng, trong đó chủ yếu nợ vay ngắn hạn Ngân hàng và nợ Nhà cung cấp 544 tỷ đồng, các khoản nợ này đều đảm bảo nguồn cân đối thanh toán.

c) Tình hình nợ phải thu:

Số dư nợ phải thu ngắn hạn đầu kỳ 01/01/2020 là 497 tỷ đồng, trong đó phải thu bán hàng 476 tỷ đồng. Số dư nợ phải thu ngắn hạn cuối kỳ 31/12/2020 là 534 tỷ đồng, trong đó phải thu bán hàng 531 tỷ đồng.

Năm 2020, doanh số bán hàng đạt xấp xỉ kế hoạch (98,9%); dòng tiền thu từ bán hàng cũng chậm, nợ quá hạn còn cao do một số khách hàng chưa thanh toán đúng thời hạn cho Công ty như đã cam kết.

3. Đánh giá kết quả đầu tư năm 2020:

Năm 2020, các dự án đầu tư chưa triển khai được do có nhiều rủi ro đầu tư trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 kéo dài, mặt khác do chưa hoàn thiện được các thủ tục pháp lý (thuê đất) làm ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức mạng lưới, chính sách, quản lý trong năm 2020:

- Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn mới ISO 9001:2015;

- Từng bước nâng cao năng lực quản trị công ty, tiếp tục duy trì và phát triển giải pháp Văn phòng điện tử; áp dụng phần mềm Quản lý doanh nghiệp Fast Business Online, phần mềm hóa đơn điện tử; ban hành Quy trình “Cảnh báo nợ”, Chương trình hành động tiết kiệm chi phí... nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành các mặt hoạt động của Công ty;

- Tiếp tục thay đổi, bổ sung và nâng cao chất lượng lao động nhằm tăng năng suất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh của Công ty.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Lấy hoạt động kinh doanh các mặt hàng thép làm trọng tâm, phấn đấu tăng trưởng tối thiểu 10%/năm. Đảm bảo luân chuyển, cân đối dòng tiền, tạo ra lợi nhuận;

- Nghiên cứu, khai thác thêm các mặt hàng, ngành hàng mới nhằm đa dạng hóa các sản phẩm kinh doanh nhằm tăng sản lượng, doanh số để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh chính trên cơ sở sử dụng vốn an toàn và hiệu quả, đóng góp vào cân đối tài chính chung của Công ty;

- Xem xét cơ cấu lại các tài sản và cơ sở vật chất hiện có, đảm bảo cân đối tài chính tốt, tăng vòng quay vốn lưu động, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính lành mạnh đáp ứng các chuẩn mực chung.

*** Kế hoạch kinh doanh – đầu tư 2021:**

a. Kế hoạch kinh doanh:

- Tổng lượng tiêu thụ : 220.000 tấn;
- Lợi nhuận trước thuế : 09 tỷ đồng;
- Cổ tức : 7%.

b. Kế hoạch đầu tư (bao gồm các dự án chuyển tiếp): DVT: Triệu đồng

T T	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch giải ngân năm 2021	Nguồn vốn đầu tư
A	Dự án chuyển tiếp	8.500	8.300	
1	Kho 1 ha Hòa Phước – Tp. Đà Nẵng	8.500	8.300	Vốn chủ sở hữu
B	Dự án khởi công mới	160.000	20.000	
1	Xây dựng căn hộ tại 404 Lê Văn Hiến – Tp. Đà Nẵng	160.000	20.000	Vốn chủ sở hữu / Vốn vay Ng/hàng
	Tổng cộng (A+B)	168.500	28.300	

(có bản thuyết minh kế hoạch đầu tư năm 2021 đính kèm)

6. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với kiểm toán (nếu có): Không.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2020:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu chính, doanh thu và lượng tiêu thụ thực hiện đạt xấp xỉ kế hoạch, lợi nhuận vượt kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao và tăng trưởng so với

cùng kỳ 2019; các tổ chức đoàn thể trong Công ty (Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên) có sự phối hợp tốt với Ban điều hành, hoạt động tích cực và được cấp trên khen thưởng, ghi nhận.

- Về công tác kinh doanh: Mặc dù kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thị trường thép trong nước và thế giới có nhiều biến động, giá cả tăng - giảm khó dự đoán, lượng cung vẫn còn vượt xa cầu... nhưng Ban điều hành đã nhận định, dự báo tương đối sát đúng với diễn biến của thị trường từ đó hạn chế được các rủi ro trong tổ chức kinh doanh; đồng thời đề ra những biện pháp, giải pháp kinh doanh phù hợp, vì vậy đã mang lại kết quả trong năm 2020;

- Về công tác quản lý: luôn được quan tâm chú trọng đúng mức, vừa tạo điều kiện cho công tác tổ chức kinh doanh của Công ty được thuận lợi, vừa kiểm tra, kiểm soát được tiền, hàng và công nợ. Tuy nhiên, tình hình nợ xấu vẫn tiếp tục phát sinh do một số Đơn vị trực thuộc/Bộ phận bán hàng chưa đánh giá, thẩm định kỹ khả năng thanh toán của Khách hàng; ngoài ra, một số Khách hàng thanh toán chậm không theo thời hạn cam kết đã dẫn đến phát sinh nợ xấu như: Chi nhánh Đắc Lắc, Chi nhánh Miền Trung, Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư và bộ phận bán hàng Phòng KH-KD;

- Về công tác đầu tư: chưa triển khai được các dự án đầu tư như kế hoạch đã đề ra;

- Các mặt công tác khác: có những tiến bộ nhất định, đời sống và thu nhập của người lao động được ổn định và tốt hơn qua từng năm.

** Những mặt tồn tại và hạn chế trong năm qua:*

- Công tác kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của đa số các Đơn vị trực thuộc đều khó khăn do quy mô nhỏ, nguồn lực bị hạn chế (nhất là nguồn nhân lực), Khách hàng không ổn định; việc tìm kiếm, mở rộng kinh doanh mặt hàng, ngành hàng mới chưa đạt yêu cầu; công tác thị trường còn yếu, chưa tiếp cận và thâm nhập được các dự án, công trình lớn tại khu vực Miền Trung, Tây Nguyên;

- Công tác quản lý nợ: Số dư nợ khó đòi tại thời điểm 31/12/2020 vẫn còn cao mặc dù trong năm đã tích cực thu hồi hơn 50% số công nợ tồn đọng;

- Công tác đầu tư: chưa triển khai được do dịch bệnh Covid-19 kéo dài và nhiều nguyên nhân khách quan (việc xử lý hồ sơ của các sở, ban ngành địa phương còn chậm trễ, hợp đồng thuê đất lâu dài để đầu tư chưa thỏa thuận được với bên cho thuê...);

- Công tác mạng lưới, lao động: mạng lưới của Công ty bị thu hẹp dần do không hiệu quả; công tác tuyển dụng lao động có chất lượng chưa đạt yêu cầu đặt ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị giao. Tiếp tục chuyển đổi phương thức kinh doanh và cơ cấu lại mặt hàng, ngành hàng kinh doanh theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng của Công ty. Hàng tháng, quý hoặc năm đều có đánh giá kết quả kinh doanh của kỳ qua và hoạch định kế hoạch cho kỳ tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên kiểm tra, giám sát và uốn nắn kịp thời các Phòng/Đơn vị trực thuộc vi phạm Quy chế quản lý Kinh doanh – Tài chính và Quy chế quản lý nợ của Công ty (nếu có). Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng Công ty vẫn duy trì được mức thu nhập ổn định, đảm bảo đời sống cho Người lao động với mức bình quân

11.040.000 đồng/người/tháng, tăng 1% so với năm 2019. Đây là sự nỗ lực rất lớn và rất đáng ghi nhận của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm vừa qua.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cần thực hiện chính sách bán hàng gắn với công tác tài chính và công nợ; tiếp tục thận trọng trong công tác tổ chức kinh doanh theo hướng phát triển Khách hàng thương mại để tăng sản lượng và luân chuyển dòng tiền; ưu tiên bán thu tiền ngay, bán có bảo lãnh Ngân hàng và bán có tài sản thế chấp, ...; tiếp tục nghiên cứu, cơ cấu lại các mặt hàng, ngành hàng kinh doanh khác mang lại hiệu quả cao, rủi ro công nợ thấp và thu hồi vốn nhanh. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các Phòng/Đơn vị trực thuộc và các bộ phận, cá nhân liên quan tăng cường hơn nữa công tác quản lý công nợ bán hàng, tập trung thời gian và thực hiện quyết liệt các biện pháp, giải pháp thu hồi nợ như đã thực hiện trong năm 2020 để thu hồi các khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi; hạn chế và ngăn ngừa nợ xấu phát sinh thêm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Nghiên cứu và mở rộng kinh doanh các mặt hàng, ngành hàng mới song song với việc tổ chức kinh doanh thép sản xuất trong nước, thép hình, nguyên liệu sản xuất thép...; tổ chức tốt hoạt động kinh doanh bất động sản vào thời điểm phù hợp với mục tiêu có lãi và đảm bảo an toàn vốn;

- Ưu tiên việc bảo toàn và phát triển vốn; không ngừng nâng cao chất lượng đánh giá, thẩm định khách hàng;

- Thường xuyên rà soát, đánh giá, sắp xếp lại hệ thống mạng lưới kinh doanh; tiếp tục thực hiện công tác đổi mới chất lượng lao động theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả và có năng suất;

- Khai thác có hiệu quả các tài sản và cơ sở vật chất hiện có; tăng cường công tác quản trị rủi ro, quản lý chi phí trong hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các Cổ đông.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty hiện nay có 05 thành viên, bao gồm:

- Ông Huỳnh Trung Quang : Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Nguyễn Anh Hoàng : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.
- Ông Phạm Thanh Lâm : Thành viên HĐQT.
- Ông Đoàn Công Sơn : Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Văn Bốn : Thành viên HĐQT.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp sau:

- Ngày 20/01/2020: Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHCĐ năm 2020 và thông qua một số nội dung khác;

- Ngày 14/02/2020: Đánh giá kết quả kinh doanh Quý IV/2019, triển khai nhiệm vụ Quý I/2020 và triển khai công tác chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông;

- Ngày 13/5/2020: Đánh giá kết quả kinh doanh Quý I, triển khai nhiệm vụ kế hoạch Quý II/2020 và thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

- Ngày 29/5/2020: Xem xét Đơn từ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của ông Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn;

- Ngày 17/7/2020: Đánh giá kết quả kinh doanh Quý II và 6 tháng đầu năm. Triển khai nhiệm vụ kế hoạch Quý III và 6 tháng cuối năm 2020 và triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Ngày 17/10/2020: Đánh giá kết quả kinh doanh Quý III và 9 tháng năm 2020. Triển khai nhiệm vụ kế hoạch Quý IV/2020.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/không điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình; tham gia đầy đủ các phiên họp và các hoạt động của HĐQT, phát huy vai trò phản biện đối với các thành viên HĐQT khác và Ban điều hành.

a) Danh sách các Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Ông Nguyễn Anh Hoàng : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ông Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn : Trưởng Ban kiểm soát;

- Ông Lê Văn Châu : Thành viên Ban kiểm soát;

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga : Thành viên Ban kiểm soát.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và đặc điểm tình hình của Công ty, trong năm 2020 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc và tổ chức các cuộc họp như sau:

- Ngày 19/02/2020: Họp thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;

- Ngày 05/6/2020: Họp phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025;

- Ngày 12/6/2020: Họp triển khai công việc kiểm soát năm tài chính 2020 và lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty;

- Ngày 14/7/2020: Họp thống nhất kế hoạch thẩm định báo cáo kinh doanh, tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020;

- Ngày 17/8/2020: Họp thông qua báo cáo thẩm định tình hình kinh doanh và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020;

- Ngày 20/10/2020: Họp đánh giá tình hình kinh doanh, tài chính, tình hình quản trị công ty trong Quý III/2020 của Công ty;

- Ngày 29/12/2020: Họp triển khai nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, Trường Ban kiểm soát còn tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT. Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các Phòng nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2020:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

ĐVT: đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Lương, thưởng, các khoản lợi ích	Thù lao
1	Huỳnh Trung Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty	507.576.000	
2	Nguyễn Anh Hoàng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty	468.871.000	
3	Nguyễn Văn Bốn	Thành viên HĐQT không kiêm nhiệm	263.188.000	
4	Phạm Thanh Lâm	Thành viên HĐQT, Trưởng Ban quản lý đầu tư VNS	5.600.000	72.000.000
5	Ngô Văn Phong	Thành viên HĐQT (từ 01/01/2020-29/5/2020)	98.000.000	24.000.000
6	Đoàn Công Sơn	Thành viên HĐQT (từ ngày 29/5/2020)		42.000.000
7	Nguyễn Thị Mãi	Trưởng Ban kiểm soát (từ 01/01/2020-29/5/2020)	117.986.000	
8	Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 29/5/2020)	245.651.000	
9	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thành viên BKS, Chuyên viên Ban TC-KT VNSteel	3.900.000	48.000.000
10	Lưu Thương	Thành viên Ban kiểm soát (từ 01/01/2020-29/5/2020)	5.000.000	20.000.000
11	Lê Văn Châu	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 29/5/2020)		28.000.000
12	Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc Công ty	333.813.000	
	Tổng cộng		2.049.585.000	234.000.000

Ghi chú:

- Ông Ngô Văn Phong, Thành viên Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2015-2020), Phó Tổng Giám đốc Công ty nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/02/2020;

- Bà Nguyễn Thị Mãi, Trưởng Ban kiểm soát Công ty nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/5/2020.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty, kịp thời công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đảm bảo thời gian.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đã thực hiện kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo hướng dẫn tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm toán, Cơ quan thuế địa phương chưa có biên bản kết luận do đó chúng tôi chưa thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính.

Ngoài ý kiến trên, theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: <http://cevimetal.com.vn>), bao gồm:

- 2.1. Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2020.
- 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.
- 2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020.
- 2.4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020.

Đà Nẵng, ngày 17... tháng 3 năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Hoàng



Đà Nẵng, ngày 17 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021

(đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020)

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch giải ngân năm 2021	Tiến độ dự kiến
A	Dự án chuyển tiếp			
1	Kho 1 ha Hòa Phước – Tp. Đà Nẵng	8.500	8.300	Quý II-III
B	Dự án khởi công mới			
1	Xây dựng căn hộ tại 404 Lê Văn Hiến – Tp. Đà Nẵng	160.000	20.000	Quý II/2021- Quý IV/2022
	TỔNG CỘNG	168.500	28.300	

I./ Nguồn vốn đầu tư:

Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

II./ Giải pháp thực hiện:

- *Kho 1ha Hòa Phước:* Công ty đã phối hợp với Đơn vị tư vấn và Sở Xây dựng đề xuất UBND Tp. Đà Nẵng cấp lại sơ đồ quy hoạch và đề nghị ký hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, UBND thành phố Đà Nẵng đang yêu cầu Sở ban ngành rà soát lại toàn bộ các quyết định cấp đất cho Công ty trước đây và có hướng xử lý. Sau khi ký hợp đồng thuê đất Công ty sẽ triển khai dự án.

- *Chuẩn bị đầu tư Dự án căn hộ tại 404 Lê Văn Hiến – Đà Nẵng:* Công ty đã thuê Đơn vị thiết kế trình chủ trương về mặt kiến trúc triển khai căn hộ cho thuê và đã được Sở Xây dựng đồng ý. Tuy nhiên, UBND thành phố Đà Nẵng yêu cầu các Sở, ban ngành cho ý kiến và chưa có kết quả. Sau khi nhận được sự chấp thuận của UBND Tp. Đà Nẵng, Công ty sẽ triển khai thực hiện dự án.

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG NĂM 2020

I - Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2020

1. Đánh giá kết quả kinh doanh:

Năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục giữ ổn định mặc dù kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 (đặc biệt là khối kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng), giá cả tăng giảm khó dự đoán, lượng cung vẫn còn vượt xa cầu, tình hình mưa bão, lũ lụt tại các tỉnh Miền Trung diễn biến rất xấu gây thiệt hại nặng nề về kinh tế cho các địa phương trong những tháng cuối năm 2020... đã ảnh hưởng đến công tác triển khai tổ chức kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, do nhận định và dự báo trước sự biến động của thị trường, Công ty đã hạn chế được những rủi ro trong việc tổ chức thực hiện, đồng thời đề ra các giải pháp kinh doanh phù hợp vì vậy đã mang lại kết quả khả quan trong năm 2020.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu chính, doanh thu và lượng tiêu thụ đạt xấp xỉ kế hoạch, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao và tăng trưởng so với cùng kỳ 2019. Thu nhập của người lao động tiếp tục giữ ổn định, cụ thể:

- Tổng doanh thu: thực hiện 1.914,522 tỷ đồng, đạt 98,9% kế hoạch năm và tăng 4,6% so với năm 2019;

- Tổng lượng tiêu thụ: thực hiện 199.255 tấn, đạt 99,7% kế hoạch năm và tăng 10,2% so với năm 2019;

- Hiệu quả kinh doanh: lợi nhuận trước thuế thực hiện 10,065 tỷ đồng, đạt 125,8% kế hoạch năm và tăng 25,8% so với năm 2019;

- Thu nhập bình quân: 11,040 triệu đồng/người/tháng, tăng 1% so với cùng kỳ 2019.

Đây là thành quả đáng được ghi nhận, thể hiện sự cố gắng, phấn đấu và nỗ lực tối đa của tập thể cán bộ, nhân viên Công ty trong năm vừa qua.

2. Đánh giá về các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện.

* Hoạt động quản trị thường kỳ:

Hội đồng quản trị Công ty họp thường kỳ hàng Quý để nghe Ban điều hành báo cáo kết quả các mặt hoạt động trong toàn Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị giao; tham dự các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết để phân tích, đánh giá những mặt làm được và chưa làm được trong Quý/Năm, đồng thời đề ra những định hướng, nhiệm vụ cho Quý tiếp theo, chủ động, linh hoạt ứng phó với những biến động của thị trường, những thay đổi về công tác quản lý của Nhà nước để tổ chức thực hiện.

* Các hoạt động chính khác:

- Tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và chi trả cổ tức đầy đủ cho các Cổ đông, đảm bảo thời gian quy định;

- Phê duyệt việc giao quyền cho Ban điều hành ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng: BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Eximbank và PVcomBank – Chi nhánh Đà Nẵng; giao quyền cho Tổng Giám đốc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán giữa Công ty với các công ty có liên quan và hợp đồng mua bán hàng hóa có mức dư nợ trên 50% vốn điều lệ;

- Phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát;

- Phê duyệt việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2020-2025, miễn nhiệm Kế toán trưởng Công ty...

3. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao những kết quả đã đạt được của Ban điều hành trong việc triển khai kinh doanh, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

- Ban điều hành đã triển khai tổ chức kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ chặt chẽ các quy định về công tác quản trị, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Công tác giám sát, hỗ trợ các Đơn vị trực thuộc trong hoạt động kinh doanh được thực hiện kịp thời thông qua việc đánh giá kết quả kinh doanh hàng tháng, hàng quý, qua đó phát hiện và kịp thời khắc phục đối với những điểm yếu và bất cập;

- Ban điều hành thường xuyên báo cáo cho Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh, tài chính, quản lý công nợ, công tác đầu tư... Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời, Hội đồng quản trị đã nắm bắt rõ tình hình hoạt động của Công ty và đã có những chỉ đạo kịp thời, hiệu quả theo định hướng chiến lược kinh doanh đã đề ra;

- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định và Thông báo của Hội đồng quản trị khi triển khai thực hiện nhiệm vụ.

II – Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu / không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp / Ghi chú
-----	-----------------	---------	---	--------------------------	-------------------	-----------------------------------

1	Huỳnh Trung Quang	Chủ tịch HĐQT	29/5/2020	06/06	100%	
2	Nguyễn Anh Hoàng	Ủy viên HĐQT, TGD Cty	29/5/2020	06/06	100%	
3	Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên HĐQT	29/5/2020	06/06	100%	
4	Phạm Thanh Lâm	Ủy viên HĐQT	29/5/2020	06/06	100%	
5	Ngô Văn Phong	Ủy viên HĐQT	29/5/2020	04/04	100%	Thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT do hết nhiệm kỳ (2015-2020)
6	Đoàn Công Sơn	Ủy viên HĐQT	29/5/2020	02/02	100%	Được bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị có 06 cuộc họp và thực hiện những lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

TT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	10/QĐ-KKMT	10/01/2020	Quyết định v/v nghỉ hưởng chế độ hưu trí đối với ông Ngô Văn Phong, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty
2	31/NQ-KKMT	03/02/2020	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	59/NQ-KKMT	14/02/2020	Nghị quyết v/v chấp thuận các hợp đồng mua bán với các công ty có liên quan năm 2020
4	60/NQ-KKMT	14/02/2020	Nghị quyết v/v đánh giá kết quả Quý IV/2019 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch Quý I/2020
5	65/QĐ-KKMT	17/02/2020	Quyết định v/v bà Nguyễn Thị Ngọc thôi Đại diện vốn của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung tại Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ
6	140/QĐ-KKMT	27/04/2020	Quyết định v/v nghỉ hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị Mai, Trưởng Ban kiểm soát Công ty
7	159/NQ-KKMT	14/05/2020	Nghị quyết v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
8	160/NQ-KKMT	14/05/2020	Nghị quyết v/v đánh giá kết quả kinh doanh Quý I, triển khai nhiệm vụ Quý II/2020 và thông qua một số nội dung khác
9	181/QĐ-KKMT	29/05/2020	Quyết định v/v miễn nhiệm chức vụ Kế toán

			trường Công ty đối với ông Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn
10	224/QĐ-KKMT	24/06/2020	Quyết định v/v chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty
11	233/QĐ-KKMT	30/06/2020	Quyết định v/v chuyển xếp hệ số lương của ông Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn, Trưởng Ban kiểm soát Công ty
12	258/NQ-KKMT	21/07/2020	Nghị quyết v/v đánh giá kết quả kinh doanh Quý II và 6 tháng đầu năm. Triển khai nhiệm vụ kế hoạch Quý III và 6 tháng cuối năm 2020
13	259/QĐ-KKMT	21/07/2020	Quyết định v/v phân công nhiệm vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025
14	272/QĐ-KKMT	27/07/2020	Quyết định v/v bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2020-2025
15	357/NQ-KKMT	27/10/2020	Nghị quyết v/v đánh giá kết quả kinh doanh Quý III và 9 tháng năm 2020. Triển khai nhiệm vụ Quý IV/2020 và thông qua một số nội dung khác
16	369/QĐ-KKMT	06/11/2020	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với Dự án “Nâng cấp, cải tạo Tòa nhà 69 Quang Trung, thành phố Đà Nẵng”
17	380/QĐ-KKMT	16/11/2020	Quyết định v/v nâng bậc lương của ông Nguyễn Văn Bốn, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

III – Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

Năm 2021, Hội đồng quản trị đặt ra các chỉ tiêu chính để thực hiện như sau:

- Tiêu thụ : 220.000 tấn;
- Lợi nhuận trước thuế : 09 tỷ đồng;
- Cổ tức : 7%.

Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chú trọng đến yếu tố đảm bảo an toàn vốn trong hoạt động kinh doanh, phấn đấu thực hiện hoàn thành những chỉ tiêu chính đã đề ra và hạn chế tối đa những rủi ro có thể phát sinh. Trong đó tập trung vào các giải pháp chính:

1. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty để đưa ra những chỉ đạo kịp thời, đúng đắn nhằm hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đề ra.
2. Tiết kiệm và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, góp phần nâng cao lợi nhuận.
3. Tăng cường công tác kiểm soát, quản trị rủi ro.
4. Có chính sách phát triển và thu hút nhân tài, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

5. Tiếp tục thực hiện sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức mạng lưới và lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động trong năm 2021. Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Trung Quang



Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung hiện hành;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của BKS và Kế hoạch kiểm soát năm 2020 đã đề ra;

Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ Công ty về báo cáo của BKS cho năm tài chính 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát :

Ban Kiểm soát đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Cụ thể:

1. Tổ chức các cuộc họp triển khai nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

- Phân công nhiệm vụ của các Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.
- Thông qua kế hoạch công tác kiểm soát 06 tháng và cả năm 2020;
- Đánh giá các báo cáo kiểm soát trước khi gửi đến HĐQT, TGD để tham vấn.

2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị khi được mời dự; Tại các cuộc họp, đại diện Ban Kiểm soát tham gia góp ý đối với Hội đồng quản trị, TGD về các vấn đề quản lý liên quan đến hoạt động của Công ty;

3. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ Công ty; Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành;

4. Tham gia góp ý đối với các dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

5. Xây dựng Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS cho phù hợp với các quy định của Pháp luật trình ĐHĐCĐ năm 2021;

6. Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2020 đã được soát xét, kiểm toán;

7. Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc:

1. Hội đồng quản trị đã thực hiện chức trách theo các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động của Hội đồng quản trị tập trung chủ yếu vào mục tiêu thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành 07 Nghị quyết, 10 Quyết định liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, tổ chức, nhân sự của Công ty. Danh mục, nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị (như báo cáo quản trị Cty 2020 đã công bố)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức hợp lệ; Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty

3. Về công tác điều hành:

-Tổng Giám đốc đã ban hành Quy trình cảnh báo rủi ro trong công tác thu nợ bán hàng số 123/TB-KKMT ngày 10/04/2020 v/v tăng cường công tác quản lý nợ bán hàng;

-Tổng Giám đốc đã triển khai kịp thời các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Chủ động trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

III. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

-Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định cho Ban Kiểm soát để nắm bắt các chỉ đạo của HĐQT trong năm.

-Kế hoạch kiểm soát và kết quả kiểm soát được Ban Kiểm soát cung cấp đầy đủ cho các thành viên Hội đồng quản trị, TGD để tham vấn, cũng như trước khi triển khai công tác kiểm soát, Ban Kiểm soát đã thông tin về kế hoạch kiểm soát đến Hội đồng quản trị, Ban TGD để phối hợp;

- Các cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh có mời đại diện Ban Kiểm soát tham dự; Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát hoàn thành công việc trong năm 2020.

IV. Thẩm định KQKD và tình hình tài chính Công ty:

1. Kết quả kinh doanh :

Chỉ tiêu chủ yếu	KH 2020 (tr.đ)	TH 2020 (tr.đ)	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1. Doanh thu:	1.935.000	1.914.522	98,9%
2. Khối lượng bán ra (tấn)	200.000	199.255	99,7%
3. Lợi nhuận trước thuế:	8.000	10.065	125,8%
3.1 LN từ hoạt động kinh doanh thương mại: <i>Tr đó:</i>	4.000	7.943	<i>Đã ghi nhận lãi vay PS phải thu của Công ty CP Thép DaNa Úc và Thép Việt pháp</i>
-LN từ KD thép		4.024	
-LN từ KD (phôi,phế, than)		3.919	
3.2 LN từ Kinh doanh Dịch vụ cho thuê Tài sản...	4.000	2.122	<i>Giảm do xác định lại CF lãi vay đầu tư</i>

2. Báo cáo tài chính tại Văn Phòng và Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AASC. Qua thẩm định báo cáo tài chính 2020, Ban Kiểm soát không có ý kiến khác so với số liệu kiểm toán, cụ thể :

Chỉ tiêu chủ yếu	31.12. 2019 (tr.đ)	31.12. 2020 (tr.đ)	tăng (+), giảm(-) tr.đ
A. Tổng tài sản:	680.385	692.303	+11.918
1. Tài sản ngắn hạn:	599.249	612.732	+ 13.483
1.1 Tiền & tương đương tiền	23.475	11.469	
1.2 Phải thu ngắn hạn:	497.282	534.809	
<i>Tr đó:</i>			
- Phải thu về bán hàng	476.659	531.528	
- Dự phòng nợ phải thu	(29.528)	(30.233)	(705)
1.3 Tồn kho	76.147	64.647	
1.4 TS ngắn hạn khác	2.345	1.807	
2. Tài sản dài hạn:	81.136	79.571	-1.565
B. Nguồn vốn:	680.385	692.303	+11.918
1. Vốn CSH	128.954	125.952	-3.002
2. Nợ phải trả:	551.431	566.351	+ 14.920
<i>Tr đó :</i>			
- Phải trả Ngân hàng	435.646	521.193	
- Phải trả Nhà cung cấp	102.719	23.063	
C. Lãi cơ bản / CP	537đ/cp	617đ/cp	+80đ/cp

3. Đánh giá chung về KQKD và tình hình tài chính:

3.1 Kết quả kinh doanh:

Trước bối cảnh tác động của dịch bệnh, các công trình xây dựng gần như đình trệ trong thời gian dài, Công ty cũng đã nỗ lực tìm kiếm cơ hội kinh doanh, định hướng lại công tác bán hàng qua rà soát đánh giá lại hệ thống khách hàng, chọn lọc danh sách khách hàng có tiềm năng; Cụ thể :

- Đối với sản phẩm thép thì tập trung vào khoản 20 khách hàng lớn có nhu cầu tiêu thụ chiếm 50% doanh số Công ty trong năm 2020;

- Đối với hàng nguyên vật liệu như phôi, phế, than thì tập trung vào khoản 03-05 khách hàng có quan hệ gắn bó nhiều năm với Công ty với cơ cấu Doanh thu chiếm 35%. Từ đó Công ty đã dần chủ động được dòng tiền, cân đối khả năng thanh toán nợ đến hạn... tổ chức triển khai kinh doanh có hiệu quả đồng thời dự báo được tình hình thị trường, nắm bắt cơ hội biến động giá và đặc biệt đã khai thác tốt lợi nhuận trong Quý 4 và đã hoàn thành vượt mức lợi nhuận kế hoạch ĐHCĐ giao năm 2020.

3.2 Tình trạng tài chính :

-Về tổng thể đến thời điểm cuối năm, Công ty đảm bảo các chỉ số tài chính như hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu theo yêu cầu của Ngân hàng tài trợ vốn, cân đối khả năng trả nợ đến hạn. Chủ động giải quyết lô phôi tồn đọng trong thời gian dài gởi tại Công ty Khoáng sản Luyện kim VTM.

- Về tình hình nợ phải thu:

a) Nợ phải thu bán hàng: SD 31/12/2020: 531,628 tỷ đồng

Trong đó :

-Nợ khó đòi theo đánh giá của HĐXL nợ: 49,7 tỷ đồng giảm 7,1 tỷ đồng so với số đầu năm (đã loại trừ một số Khách hàng có cam kết trả nợ như CTy CP Tin Hưng- Hoàng Hưng: 16,75 tỷ đồng; Cty Tân Hoàn Cầu: 5,5 tỷ đồng hoặc có BLTT như CTy TNHH Dịch vụ MH 1,58 tỷ đồng).

- Số trích lập dự phòng đến 31/12/2020: 30,233 tỷ đồng, tăng so với đầu năm 705 tr.đ.

b) Nợ tạm ứng CBNV:

Số dư công nợ tạm ứng toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2020 còn cao (23 tỷ đồng), lưu ý một số khoản nợ lớn cần thanh quyết toán hoàn ứng theo qui định

Cụ thể :

-SD 01.01.2020: 20 tỷ đồng

-Số PS tăng trong năm: 29,3 tỷ đồng

-Số PS giảm trong năm: 26,3 tỷ đồng

-SD 31/12/2020: 23 tỷ đồng (riêng tại VP CTY : SD 21,9 tỷ đồng, trong đó tạm ứng tiền nhận chuyển nhượng đất dự án 18 tỷ đồng)

V. Kiến nghị:

1. Tăng cường công tác thẩm định khách hàng, hạn chế tối đa việc bán nợ tín chấp; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác thu nợ tồn đọng nhằm lành mạnh hóa tình hình tài chính Công ty.

2. Theo dõi thị trường BĐS khi có dấu hiệu hồi phục thì ưu tiên giải quyết chuyển nhượng các tài sản -BDS hình thành từ việc thu nợ để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh.

3. Đẩy mạnh công tác đầu tư nhằm khai thác tối đa các cơ sở đất đai nguồn lực hiện có của Công ty.

4. Tiếp tục hoàn thiện các qui chế quản lý nội bộ như qui chế quản lý kinh doanh -tài chính, qui chế quản lý nợ nhằm đảm bảo với các qui định của pháp luật hiện hành.

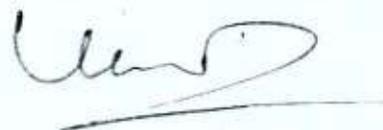
Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát đã được thông qua các thành viên Ban kiểm soát ngày 09/03/2021.

Trân trọng báo cáo ./.

Nơi nhận:

- Cổ đông KMT,
- Chủ tịch HĐQT
và các TV -HĐQT
- Ban TGD
- Lưu BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thành Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 437/TTr-KKMT

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm tài chính 2020”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty hiện hành;

Căn cứ Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020 theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm tài chính 2020 như sau:

I. Lợi nhuận thực hiện:

1. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 : 10.065.235.394 đồng.
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) : 3.988.739.316 đồng.
3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2020 : 6.076.496.078 đồng.
4. LNST còn lại các năm trước chưa phân phối: 5.263.568.883 đồng.

(sau khi nộp thuế TNDN năm 2017, 2018, 2019 theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 và Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ)

5. Tổng LNST chưa phân phối năm 2020 (3+4): 11.340.064.961 đồng.

II. Trích lập các quỹ và chia cổ tức:

1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 700.000.000 đồng.
2. Chia cổ tức: đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức chia cổ tức từ phần lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi xác định rõ phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung (nếu có).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Trung Quang

Số: *MD./BC-KKMT*

Đà Nẵng, ngày 31.. tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm tài chính 2020 Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 183/NQ-ĐHĐCD ngày 29/5/2020 và kết quả thực hiện năm 2020,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc chi trả tiền lương, thù lao và khen thưởng Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2020; đề xuất kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

1. Tiền lương, thù lao và khen thưởng HĐQT, BKS năm 2020:

a) Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS: (*thực hiện theo Nghị quyết số 183/NQ-KKMT ngày 29/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông*)

TT	Chức danh	ĐVT	Tiền lương	Thù lao
A	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT	đồng/tháng	40.000.000	
2	UV HĐQT kiêm TGD	đồng/tháng	37.000.000	
3	UV HĐQT kiêm Phó TGD	đồng/tháng	27.000.000	
4	UV HĐQT chuyên trách	đồng/tháng	15.000.000	
5	UV HĐQT kiêm nhiệm	đồng/người/tháng		6.000.000
B	Ban kiểm soát			
1	Trưởng BKS	đồng/tháng	18.000.000	
2	Thành viên BKS kiêm nhiệm (02 người)	đồng/người/tháng		4.000.000

b) Khen thưởng HĐQT, BKS: Căn cứ kết quả kinh doanh đã đạt được trong năm 2020, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), do hoàn thành tốt nhiệm vụ của cổ đông giao.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2021:

TT	Chức danh	ĐVT	Tiền lương	Thù lao
A	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT	đồng/tháng	42.000.000	
2	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	đồng/tháng	39.000.000	
3	Ủy viên HĐQT chuyên trách	đồng/tháng	16.000.000	
4	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	đồng/người/tháng		6.000.000
B	Ban kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát	đồng/tháng	19.000.000	
2	Thành viên BKS kiêm nhiệm	đồng/người/tháng		4.000.000

Ghi chú: Đối với nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được Công ty trả lương tháng theo chức danh quản lý chuyên trách thì không hưởng thù lao hàng tháng chức danh kiêm nhiệm.

Trường hợp Kiểm soát viên kiêm nhiệm hưởng lương chuyên môn nghiệp vụ thì được hưởng thù lao theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Trung Quang

TỜ TRÌNH

“V/v: Thông qua Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét như sau:

Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và thay thế Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, cùng ngày Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, kèm theo Thông tư là mẫu Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để các công ty đại chúng tham chiếu xây dựng và áp dụng. Thông tư số 116/2020/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021 và thay thế Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính.

Để Điều lệ và các Quy chế của Công ty phù hợp với quy định pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Trong đó:

- Điều lệ Công ty: có 21 Chương và 58 Điều;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty: có 07 Điều;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị: có 07 Chương và 23 Điều.

(Có bản dự thảo Điều lệ và các Quy chế đính kèm)

Ghi chú: Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung sẽ thay thế bản Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên ngày 12/4/2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Trung Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIM KHÍ MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../TTTr-KKMT

Đà Nẵng, ngày ... tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Chấp thuận các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 4, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung;

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét như sau:

Trong những năm qua, Công ty TNHH Thép Tây Đô là khách hàng truyền thống của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung (viết tắt là KKMT), trong nhiều năm, giao dịch chủ yếu là mua bán phôi thép, thanh toán đầy đủ, luân chuyển tốt tiền hàng, mang lại hiệu quả cho Công ty. Theo kế hoạch, năm 2021 KKMT sẽ cung cấp cho Công ty TNHH Thép Tây Đô 20.000 tấn phôi thép và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng 20.000 tấn phôi thép, doanh thu dự kiến 250 tỷ đồng/mỗi đơn vị (> 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của KKMT tại thời điểm 31/12/2020).

Theo điểm b, khoản 4, Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, hiệu lực từ ngày 01/01/2021 có quy định:

“Điều 293: Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

b) *“Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:*

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp”.

Đề chủ động triển khai các hợp đồng, giao dịch của KKMT trong năm 2021 với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông:

1. Chấp thuận cho Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung được thực hiện các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa KKMT với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung phê duyệt nội dung hợp đồng, giao dịch giữa KKMT với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Trung Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIM KHÍ MIỀN TRUNG**



Số: 107/TTTr-KKMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung,

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Quy chế gồm có 07 Chương và 20 Điều, nội dung cụ thể theo dự thảo đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thành Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Số: 192/TT-KKMT

Đà Nẵng, ngày 27. tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung,

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Đơn vị kiểm toán theo danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát". Cụ thể:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
3. Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Trần Thành Tuấn



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



ĐIỀU LỆ (Dự thảo)
CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG
(CEVIMETAL)

Đà Nẵng, ngày ... tháng 4 năm 2021

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số/NQ-DHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA DIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CENTRAL VIETNAM METAL CORPORATION

- Tên Công ty viết tắt: CEVIMETAL

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 69 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại: 0236.3822807 / 3821824

- Fax: 0236.3835336

- E-mail: info@cevimetal.vn

- Website: cevimetal.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam; phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm những công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu kim khí các loại; các sản phẩm thép phục vụ công nghiệp, xây dựng, giao thông, cơ khí... và dân dụng;

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, nguyên, nhiên vật liệu và thứ liệu, phế liệu kim loại phục vụ luyện kim, cán thép;

- Kinh doanh vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng;

- Kinh doanh bất động sản;

- Kinh doanh than các loại;

- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Đại lý phân phối sản phẩm cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài;

- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mà Công ty đã có kinh nghiệm nhằm phát triển một cách bền vững với mục đích tối đa hóa lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 98.465.620.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.846.562 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75%

tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao

dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai

mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày

31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

d) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh

ngiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) Công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu có một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp);
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo

mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo

quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tiêu chuẩn Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Là người có trình độ đại học trở lên thuộc các ngành quản lý kinh tế hay kỹ thuật phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Công ty; có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và kinh nghiệm quản lý Công ty; hiểu biết pháp luật.

b) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

d) Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ kiểm soát, điều hành nào tại Công ty khác, trừ trường hợp là người đại diện của Công ty do Hội đồng quản trị công ty chỉ định tham gia vào Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty.

đ) Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ.

5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những

nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy

định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung nhất trí thông qua ngày ... tháng 4 năm 2021 tại phiên họp thường niên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.

Điều lệ này thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2018.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị/.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Hoàng

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- d) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**
(Dự thảo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG
(CEVIMETAL)**

Đà Nẵng, ngày ... tháng 4 năm 2021

Đà Nẵng, ngày ... tháng 4 năm 2021



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-DHĐCD ngày... tháng 4 năm 2021,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung với các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt Cổ đông kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động quản trị, điều hành của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung.

Điều 2. Quy chế này cụ thể hoá nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Công ty, quy định chế độ làm việc của Ban kiểm soát, mối quan hệ phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định pháp luật, điều lệ, quy chế của Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

**Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

2. Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện theo Điều lệ Công ty

Điều 8. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng

cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 11. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 13. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 14. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, báo cáo thẩm tra về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, báo cáo giám sát về hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành

viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 15. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 16. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 18. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 19. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung bao gồm 07 Chương, 20 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 4 năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
(Dự thảo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG
(CEVIMETAL)**

Đà Nẵng, ngày ... tháng 4 năm 2021



Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung,

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên

mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có Đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận Đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Thư ký công ty do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có Đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế

hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy

(07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được

thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung bao gồm 07 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Trung Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Dự thảo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG
(CEVIMETAL)

Đà Nẵng, ngày ... tháng 4 năm 2021



Đà Nẵng, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung,

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các hành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

- b) Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp:

Hội đồng quản trị lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- c) Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

- đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- + Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- + Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- + Phiếu biểu quyết;

- + Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

h) Điều kiện tiến hành:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi

trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- + Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- + Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

k) Cách thức bỏ phiếu:

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký/mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông đó;

- Hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

- + Bỏ phiếu kín;
 - + Biểu quyết công khai.
- Đối với mỗi nội dung biểu quyết được ĐHĐCĐ quyết định biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín, cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền chọn 01 (một) trong 03 (ba) hình thức biểu quyết bằng cách đánh dấu hoặc vào ô đã lựa chọn, bao gồm:

- + Tán thành;
 - + Không tán thành;
 - + Không có ý kiến.
- Đối với mỗi nội dung biểu quyết được ĐHĐCĐ quyết định biểu quyết công khai, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền thẻ/phiếu biểu quyết riêng cho các nội dung này. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu

quyết tán thành, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

l) Cách thức kiểm phiếu:

- Đại hội bầu ra Ban kiểm phiếu gồm những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- Thẻ biểu quyết khi được cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền bỏ phiếu sẽ được tập hợp và lưu trữ trong thùng phiếu. Thùng phiếu sẽ được khóa, niêm phong từ trước thời điểm bỏ phiếu cho đến khi kết thúc thời điểm bỏ phiếu và do Ban kiểm phiếu quản lý;

- Số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định;

- Ban kiểm phiếu phải có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu trong biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

+ Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

+ Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

m) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Đối với các nội dung biểu quyết được ĐHĐCĐ quyết định biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín, Biên bản kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

- Đối với mỗi nội dung biểu quyết được ĐHĐCĐ quyết định biểu quyết công khai, số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

n) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông có quyền phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng cách yêu cầu Thư ký đại hội ghi ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến HĐQT nếu Nghị quyết được công bố sau cuộc họp;

- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông, Nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Điều lệ Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ do người yêu cầu trả;

- Trong mọi trường hợp, Cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy nghị quyết của ĐHĐCĐ, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

o) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết, Biên bản họp, phụ lục danh sách cổ đông dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- Trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: Tuân thủ theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

Việc tổ chức họp Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được pháp luật cho phép phải đầy đủ và theo trình tự, đảm bảo thời gian, các thủ tục cần thiết thực hiện tương tự như tổ chức Đại hội trực tiếp, cũng như phải đảm bảo các điều kiện tiên hành Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan.

Bỏ phiếu trực tuyến là hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (sau đây gọi tắt là Hệ thống) của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là VSD), là đơn vị được Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử.

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ);

- Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp do VSD lập và chốt vào ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo thực hiện quyền dự họp của Công ty;

- Cổ đông đã thực hiện kích hoạt tài khoản truy cập theo thông báo của Công ty.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Cổ đông nhận được Thư mời họp trực tuyến có hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự Đại hội cũng như các tài liệu cho Đại hội;

- Cổ đông đăng ký tham dự họp truy cập hệ thống tham dự họp và bỏ phiếu điện tử của Công ty với đường dẫn được thông báo và điền các thông tin của cổ đông đã được đăng ký với VSD và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký, bao gồm: Họ và tên, số điện thoại, số CMND (hoặc CCCD, hộ chiếu, mã số doanh nghiệp, mã số đầu tư nước ngoài), địa chỉ liên hệ;

- Hệ thống trực tuyến sẽ gửi thông tin của tài khoản truy cập bao gồm mã đăng nhập (user) và mật khẩu (password) vào số điện thoại của Cổ đông sau khi đăng ký tham dự Đại hội thành công. Cổ đông đăng nhập bằng tài khoản truy cập đã được cấp để bắt đầu tham dự Đại hội;

- Cổ đông không đăng ký số điện thoại liên lạc với VSD thì sẽ không được tham dự Đại hội trực tuyến nhưng vẫn có quyền tham dự Đại hội trực tiếp (nếu Đại hội được tổ chức trực tuyến một phần);

- Trường hợp cổ đông muốn đăng ký mới/thay đổi số điện thoại, thay đổi thông tin định danh khác so với thông tin đã đăng ký với VSD thì liên hệ với Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản để cập nhật thông tin trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VSD;

- Công ty không chịu trách nhiệm đối với nội dung các thông tin cổ đông cập nhật với VSD và không chịu trách nhiệm đối với việc cổ đông không cập nhật kịp thời với Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản dẫn đến danh sách cổ đông do VSD cung cấp không có thông tin mới nhất của cổ đông.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Cổ đông là cá nhân: ủy quyền toàn bộ số cổ phần sở hữu cho một cá nhân khác thay mặt tham dự và biểu quyết tại Đại hội;

- Cổ đông là tổ chức trong nước: ủy quyền toàn bộ số cổ phần sở hữu tối đa cho ba (03) người đại diện thay mặt tham dự và biểu quyết tại Đại hội;

- Cổ đông là tổ chức nước ngoài: ủy quyền toàn bộ số cổ phần sở hữu cho tổ chức đại diện thay mặt tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

d) Điều kiện tiến hành:

Việc tổ chức Đại hội trực tuyến được tiến hành dựa trên tình hình thực tế của Công ty và đảm bảo tuân thủ các quy định về tổ chức Đại hội theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:

- Khi xảy ra dịch bệnh, thiên tai, có lệnh hạn chế hoặc cấm đi lại (nội địa và/hoặc quốc tế);

- Phải thực hiện cách ly xã hội hoặc phong tỏa từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Các lý do khách quan và/hoặc trường hợp khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không thể tổ chức Đại hội theo hình thức trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Nghị quyết được thông qua tại Đại hội trực tuyến đối với từng nội dung được biểu quyết tương tự như tỷ lệ thông qua Nghị quyết tại Đại hội được tổ chức trực tiếp theo quy định tại Điều lệ Công ty.

e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

- Cổ đông lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội được cài đặt theo Hệ thống. Sau khi lựa chọn, Cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để Hệ thống ghi nhận kết quả;

- Việc bỏ phiếu điện tử chỉ được thực hiện khi Cổ đông đã đăng ký tham dự họp lệ;

- Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện vào thời điểm diễn ra cuộc họp và theo diễn tiến cuộc họp cho từng vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội. Cổ đông biểu quyết theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội/Người điều hành Đại hội cho các vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội và theo Điều lệ Công ty;

- Trường hợp Cổ đông không thực hiện biểu quyết hết các vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề đó và được xem là không có ý kiến;

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Cổ đông có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Cổ đông không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

- Sau khi hết thời gian bỏ phiếu điện tử, Hệ thống sẽ tổng hợp số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến và kết xuất Biên bản kiểm phiếu đối với các nội dung mà cổ đông biểu quyết;

- Kết quả biểu quyết của từng nội dung biểu quyết tại Đại hội trực tuyến toàn phần là tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó của tất cả các Cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội là những người có thẩm quyền mở kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu;

- Kết quả bỏ phiếu điện tử sẽ được Hệ thống ghi nhận tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu bằng Biên bản kiểm phiếu và được lưu giữ tại Công ty;

- Căn cứ biên bản kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi Đại hội bế mạc.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- Địa điểm tổ chức được ghi trong Biên bản Đại hội trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam;

- Biên bản Đại hội trực tuyến được lập và thông qua tương tự như Biên bản Đại hội được tổ chức trực tiếp theo quy định của Điều lệ và phù hợp với Quy chế này.

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 2 và quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo quy định tại điểm g, khoản 2 và quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo quy định tại điểm e, khoản 2 và quy định tại điểm c, khoản 4 Điều này.

d) Điều kiện tiến hành:

Thực hiện theo quy định tại điểm h, khoản 2 và quy định tại điểm d, khoản 4 Điều này.

đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết được thông qua tại Đại hội trực tiếp kết hợp với trực tuyến đối với từng nội dung được biểu quyết tương tự như tỷ lệ thông qua Nghị quyết tại Đại hội được tổ chức trực tiếp theo quy định tại Điều lệ Công ty.

e) Cách thức bỏ phiếu:

Thực hiện theo quy định tại điểm k, khoản 2 và quy định tại điểm e, khoản 4 Điều này.

g) Cách thức kiểm phiếu:

- Sau khi hết thời gian bỏ phiếu trực tiếp, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến và ghi vào Biên bản kiểm phiếu đối với các nội dung mà cổ đông biểu quyết;

- Sau khi hết thời gian bỏ phiếu điện tử, hệ thống sẽ tổng hợp số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến và kết xuất Biên bản kiểm phiếu đối với các nội dung mà cổ đông biểu quyết;

- Kết quả biểu quyết tại Đại hội trực tuyến một phần kết hợp trực tiếp là tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của hình thức bỏ phiếu điện tử cộng với hình thức bỏ phiếu trực tiếp của tất cả các Cổ đông tham dự Đại hội.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội là những người có thẩm quyền mở kết quả bỏ phiếu trực tiếp và kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu;

- Kết quả bỏ phiếu trực tiếp và bỏ phiếu điện tử tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu sẽ được ghi vào Biên bản kiểm phiếu và được lưu giữ tại Công ty;

- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu bỏ phiếu trực tiếp và bỏ phiếu điện tử của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi Đại hội bế mạc.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- Địa điểm tổ chức được ghi trong Biên bản Đại hội trực tiếp và hội nghị trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam;

- Biên bản Đại hội trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến được lập và thông qua tương tự như Biên bản Đại hội được tổ chức trực tiếp theo quy định của Điều lệ và phù hợp với Quy chế này.

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp);

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng

cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và tối thiểu có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các điều kiện theo khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới

60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - + Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - + Có Đơn từ chức và được chấp thuận;
 - + Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - + Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - + Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
 - Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung khi:
 - + Số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn mức tối thiểu theo quy định của pháp luật (trong vòng 30 ngày);
 - + Không đảm bảo số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ (trong vòng 30 ngày);
 - + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ (trong vòng 60 ngày).

+ Trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản này; Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua nghị quyết, quyết định về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có Đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý/năm:

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường khi xét thấy cần thiết.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

Ngoài các cuộc họp định kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập các cuộc họp bất thường trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;

- Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định song ít nhất bao gồm các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (khi Tổng Giám đốc không là Thành viên Hội đồng quản trị) và đại diện Ban kiểm soát. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết:

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

Thư ký công ty lập biên bản họp Hội đồng quản trị phản ánh khách quan, trung thực diễn biến và kết luận của cuộc họp. Biên bản phải có những nội dung chính sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- Thời gian, địa điểm họp;

- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo diễn biến cuộc họp; kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản này.

Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, Thành viên Hội đồng quản trị được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản họp Hội đồng quản trị có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty theo trình tự và quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán.

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

- Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Ban kiểm toán nội bộ:

- Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (hoặc thuê tổ chức thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo quy định của Nghị định 05/2019/NĐ-CP); nhân sự Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;

- Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ:

- + Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;
 - + Phải bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành;
 - + Phải kịp thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán của các bộ phận/đơn vị trực thuộc Công ty;
 - + Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ;
 - + Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
- Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ, Người phụ trách Ban kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành;
 - Điều kiện, tiêu chuẩn người làm công tác kiểm toán nội bộ:
 - + Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - + Đã có thời gian từ năm (05) năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại Công ty hoặc từ ba (03) năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra;
 - + Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
 - + Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật;
 - + Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của

doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

g) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành;

h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người;

- Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên.

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

d) Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Quy chế bầu cử được ĐHCĐ thông qua hoặc Điều lệ Công ty.

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

+ Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;

+ Có Đơn từ chức và được chấp thuận;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

+ Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

+ Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

+ Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

- Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát;

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

- Tuyển dụng lao động;

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Là người có trình độ đại học trở lên thuộc các ngành quản lý kinh tế hay kỹ thuật phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Công ty; có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và kinh nghiệm quản lý Công ty; hiểu biết pháp luật.

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

- Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ kiểm soát, điều hành nào tại Công ty khác, trừ trường hợp là người đại diện của Công ty do Hội đồng quản trị công ty chỉ định tham gia vào Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

* Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

+ Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty;

+ Có Đơn từ chức và được chấp thuận;

+ Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

+ Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

+ Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động đối với chức danh Tổng Giám đốc.

d) Chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị có thể chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc nhưng không trái với quy định pháp luật hiện hành về lao động.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

- Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc;

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGD):

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Cuộc họp giữa HĐQT, BKS và TGD:

+ Cuộc họp định kỳ giữa HĐQT, BKS và TGD đồng thời là cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT;

+ Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty;

+ HĐQT cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa HĐQT, BKS và TGD vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;

+ Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

- Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp khi có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn từ các đối tượng được quy định tại khoản 3, Điều 30 Điều lệ Công ty hoặc trong các trường hợp sau:

+ HĐQT, thành viên HĐQT vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản trị điều hành;

+ Có vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của Công ty và Cổ đông mà cần thiết phải tổ chức ngay cuộc họp HĐQT để giải quyết.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được gửi đến cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

- HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc:

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên BKS.

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- Các trường hợp TGD và/hoặc BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT:

+ Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác;

+ Nhận được thông báo khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, TGD từ Cổ đông, Nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp;

+ Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông có yêu cầu;

+ Các vấn đề được quy định tại điểm h (Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS) Điều 6 Quy chế này.

+ Các vấn đề khác được TGD hoặc BKS xác định là cần thiết đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Những vấn đề TGD và/hoặc BKS cần xin ý kiến HĐQT:

+ Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

+ Kiến nghị HĐQT các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

+ Các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến);

+ Các vấn đề mà quyền quyết định vượt ra khỏi phạm vi quyền hạn của TGD;

+ Các vấn đề khác được TGD hoặc BKS xác định là cần thiết đối với hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Đề nghị triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

- Các nội dung cần xin ý kiến và tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho HĐQT. HĐQT phải có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của TGD hoặc BKS.

đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

- TGD có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi HĐQT. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT;

- Trong trường hợp nhận được yêu cầu đột xuất của HĐQT, báo cáo của TGD phải được lập bằng văn bản và gửi đến HĐQT trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

- Việc kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD được tiến hành tại cuộc họp định kỳ giữa HĐQT, BKS và TGD;

- Hàng quý, sáu tháng và hàng năm, HĐQT kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho TGD thực hiện hoặc tổ chức thực hiện;

- Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến từ BKS.

g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- TGD hoặc người được TGD ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho HĐQT và BKS ngay khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:

+ Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

+ Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý; có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế;

+ Các giao dịch theo quy định tại Điều 299 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

- Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho HĐQT và BKS. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- *Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:*

+ Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;

+ Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi TGD) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

+ Khi BKS đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

+ Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:

+ Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

+ Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu TGD, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;

+ Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, TGD trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

+ Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với TGD:

+ Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT phải thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty;

+ Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu TGD, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

+ Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được TGD đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty;

+ HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD.

- Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với TGD:

+ Trong các cuộc họp của BKS, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu TGD (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

+ Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho TGD để có thêm cơ sở giúp TGD trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS cần phải báo cáo thống nhất với TGD trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

+ Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Ban TGD, phải thông báo bằng văn bản với TGD trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

+ Thành viên BKS có quyền yêu cầu TGD tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

+ Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

+ Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

+ Các nội dung khác cần xin ý kiến của TGD phải được gửi trong thời hạn quy định và TGD có trách nhiệm phản hồi trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm:

2.1. Phương thức đánh giá:

a) Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty và cán bộ quản lý khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

b) Đối với cán bộ quản lý khác, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.

2.2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm định kỳ hàng quý/năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát.

d) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm được thực hiện hàng tháng/quý/năm theo nội dung công việc được giao và thỏa thuận trong hợp đồng lao động do Tổng Giám đốc quyết định.

2.3. Khen thưởng, kỷ luật:

a) Hội đồng quản trị quyết định hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

b) Tổng Giám đốc quyết định hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

c) Nguyên tắc, hình thức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty và các chức danh quản lý khác được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng, thù lao hiện hành của Công ty.

d) Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm kỷ luật đối với cán bộ quản lý thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung bao gồm 07 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2021, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2018./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Trung Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIM KHÍ MIỀN TRUNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../NQ-DHĐCĐ

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 4 năm 2021



DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung, họp ngày 16/4/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo thường niên năm 2020, kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021 và Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020.

1.1. Kết quả kinh doanh 2020:

- Tổng doanh thu : 1.914.521.882.539 đồng;
- Tổng lượng tiêu thụ : 199.255 tấn;
- Lợi nhuận trước thuế : 10.065.235.394 đồng.

1.2. Kết quả đầu tư: tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2020: 0,120 tỷ đồng.

1.3. Kế hoạch năm 2021:

a) Kế hoạch kinh doanh:

- Tổng lượng tiêu thụ : 220.000 tấn;
- Lợi nhuận trước thuế : 09 tỷ đồng;
- Cổ tức : 7%.

b) Kế hoạch đầu tư : 28,300 tỷ đồng (bao gồm dự án chuyển tiếp).

1.4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.

Điều 3. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020.

3.1. Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2020 : 6.076.496.078 đồng.

3.2. LNST còn lại các năm trước : 5.263.568.883 đồng.

3.3. Tổng LNST chưa phân phối (=3.1+3.2) : 11.340.064.961 đồng.

3.4. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 700.000.000 đồng.

3.5. Chia cổ tức: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức chia cổ tức từ phần lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi xác định rõ phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung (nếu có).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao và khen thưởng Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HDQT, BKS năm 2021.

4.1. Tiền lương, thù lao thành viên HDQT và BKS năm 2020:

a) Tiền lương thành viên HDQT và BKS:

- Chủ tịch HDQT chuyên trách : 40.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HDQT kiêm Tổng Giám đốc : 37.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HDQT kiêm Phó TGD : 27.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HDQT chuyên trách : 15.000.000 đồng/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : 18.000.000 đồng/tháng.

b) Thù lao thành viên HDQT và BKS:

- Thành viên HDQT kiêm nhiệm : 6.000.000 đ/người/tháng;
- Thành viên BKS kiêm nhiệm : 4.000.000 đ/người/tháng.

4.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HDQT và BKS năm 2021:

a) Tiền lương thành viên HDQT và BKS:

- Chủ tịch HDQT chuyên trách : 42.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HDQT kiêm Tổng Giám đốc : 39.000.000 đồng/tháng;
- Thành viên HDQT chuyên trách : 16.000.000 đồng/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : 19.000.000 đồng/tháng.

b) Thù lao thành viên HDQT và BKS:

- Thành viên HDQT kiêm nhiệm : 6.000.000 đ/người/tháng;
- Thành viên BKS kiêm nhiệm : 4.000.000 đ/người/tháng.

* Đối với nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được Công ty trả lương tháng theo chức danh quản lý chuyên trách thì không được hưởng thù lao chức danh kiêm nhiệm (ngoại trừ Kiểm soát viên kiêm nhiệm hưởng lương chuyên môn nghiệp vụ thì được hưởng thù lao).

4.3. Thông qua việc thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do hoàn thành tốt nhiệm vụ của cổ đông giao trong năm 2020.

Điều 5. Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp

dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 7. Chấp thuận cho Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung được thực hiện các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng trong năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung phê duyệt nội dung hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH Thép Tây Đô và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Chín Rồng.

Điều 8. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các công việc sau:

8.1. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định pháp luật.

8.2. Quyết định các phương án đầu tư cụ thể trong danh mục đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2021 phù hợp với thực tế phát sinh.

Điều 9. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung với kết quả 100% tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết và có hiệu lực kể từ ngày 16/4/2021.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung có trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo và giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN, TTLKCKVN;
- Các cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Trung Quang**